



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 47 + 48

Ngày 01 tháng 4 năm 2023

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 08-3-2023- Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ban hành Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lấy ý kiến người dân có đất bị thu hồi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023. 3
- 13-3-2023- Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ban hành Quy định các tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong sử dụng công trình, nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 9
- 15-3-2023- Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 22

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 09-02-2023- Quyết định số 393/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 24
- 14-02-2023- Chỉ thị số 02/CT-UBND về tiếp tục nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. 76
- 27-02-2023- Quyết định số 611/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tổ chức cán bộ, Giám định y khoa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế. 81
- 16-3-2023- Quyết định số 913/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường. 87
- 22-3-2023- Quyết định số 972/QĐ-UBND về bãi bỏ 23 Chỉ thị do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2016. 92

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/2023/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lấy ý kiến người dân có đất bị thu hồi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Thực hiện Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 9 tháng 12 năm 2020 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập Thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về việc cho phép áp dụng thí điểm cơ chế, quy trình đặc thù để rút ngắn thời gian thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và bàn giao mặt bằng dự án có thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1338/TTr-STNMT-KTĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 771/BC-STP ngày 27 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về hệ số điều chỉnh giá đất (hệ số K) để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lấy ý kiến người dân có đất thu hồi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023.

2. Hệ số điều chỉnh giá đất ban hành vào đầu kỳ hàng năm này chỉ có ý nghĩa để

lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lấy ý kiến người dân có đất thu hồi, không phải là hệ số điều chỉnh giá đất được xây dựng từ giá đất cụ thể để tính bồi thường của loại đất thu hồi tại thời điểm thu hồi đất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Người sử dụng đất quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Hệ số điều chỉnh giá đất

1. Đối với đất phi nông nghiệp

a) Đất ở

STT	QUẬN/HUYỆN	KHUNG HỆ SỐ (K) ĐỐI VỚI ĐẤT Ở
1	Quận 1	4 - 5
2	Quận 3	4 - 5
3	Quận 4	4 - 8,5
4	Quận 5	4,5 - 6,5
5	Quận 6	3 - 6
6	Quận 7	6 - 12
7	Quận 8	5 - 11
8	Quận 10	5 - 11
9	Quận 11	6 - 9
10	Quận 12	10 - 15
11	Quận Phú Nhuận	5 - 7
12	Quận Tân Phú	7 - 18
13	Quận Tân Bình	4 - 7
14	Quận Bình Thạnh	4 - 6
15	Quận Gò Vấp	8 - 18

STT	QUẬN/HUYỆN	KHUNG HỆ SỐ (K) ĐỐI VỚI ĐẤT Ở
16	Quận Bình Tân	6 - 14
17	Huyện Bình Chánh	6 - 22
18	Huyện Nhà Bè	10 - 21
19	Huyện Cần Giờ	5 - 15
20	Huyện Hóc Môn	10 - 25
21	Huyện Củ Chi	13 - 20
22	Thành phố Thủ Đức	6 - 25

b) Đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

Đất thương mại, dịch vụ: tính bằng 80% giá đất ở liền kề.

Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ; Đất sử dụng vào các mục đích công cộng có mục đích kinh doanh; Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất công trình sự nghiệp: tính bằng 60% giá đất ở liền kề.

Đất nghĩa trang, nghĩa địa: tính bằng 60% giá đất ở liền kề.

Đất giáo dục, y tế: tính bằng 60% giá đất ở liền kề.

Đất tôn giáo: tính bằng 60% giá đất ở liền kề.

c) Các vị trí đất ở:

Vị trí 1: đất có vị trí mặt tiền đường áp dụng đối với các thửa đất, khu đất có ít nhất một mặt giáp với đường được quy định trong bảng giá đất.

Vị trí 2: áp dụng đối với các thửa đất, khu đất có ít nhất một mặt tiếp giáp với hẻm có độ rộng từ 5m trở lên thì tính bằng 0,5 của vị trí 1.

Vị trí 3: áp dụng đối với các thửa đất, khu đất có ít nhất một mặt tiếp giáp với hẻm có độ rộng từ 3 đến dưới 5m thì tính bằng 0,8 của vị trí 2.

Vị trí 4: áp dụng đối với các thửa đất, khu đất có những vị trí còn lại tính bằng 0,8 của vị trí 3.

2. Đối với đất nông nghiệp:

STT	QUẬN/HUYỆN	HỆ SỐ (K)
1	Quận 1	30 - 35
2	Quận 3	30 - 35
3	Quận 4	30 - 35

STT	QUẬN/HUYỆN	HỆ SỐ (K)
4	Quận 5	30 - 35
5	Quận 6	30 - 35
6	Quận 7	20 - 35
7	Quận 8	15 - 30
8	Quận 10	30 - 35
9	Quận 11	30 - 35
10	Quận 12	15 - 25
11	Quận Phú Nhuận	25 - 30
12	Quận Tân Phú	30 - 35
13	Quận Tân Bình	30 - 35
14	Quận Bình Thạnh	20 - 25
15	Quận Gò Vấp	25 - 35
16	Quận Bình Tân	12 - 20
17	Huyện Bình Chánh	15 - 38
18	Huyện Nhà Bè	10 - 25
19	Huyện Cần Giờ	5 - 12
20	Huyện Hóc Môn	10 - 18
21	Huyện Củ Chi	10 - 25
22	Thành phố Thủ Đức	7 - 25

Các vị trí, đơn giá đất các vị trí đất nông nghiệp được áp dụng theo Điều 3 Chương II (trừ điểm e, Khoản 2) Quy định về Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Trong quá trình thực hiện, tùy điều kiện cụ thể của dự án, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và quận, huyện rà soát (mục đích sử dụng đất, vị trí, tuyến đường) với các dự án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt trong khoảng thời gian không quá 01 năm tại địa phương để cân đối với hệ số điều chỉnh (K) đối với đất ở và đất nông nghiệp được quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Quyết định này để đưa hệ số cụ thể vào phương án bồi thường, hỗ trợ lấy ý kiến người dân có đất bị thu hồi. Trường hợp, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ

Đức và quận, huyện không có dự án được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt trong khoảng thời gian không quá 01 năm để thực hiện rà soát làm cơ sở xây dựng Phương án thi thực hiện thu thập thông tin tại khu vực (quận, huyện) lân cận có điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, kết cấu hạ tầng kỹ thuật tương đồng để cân đối với hệ số điều chỉnh (K) đối với đất ở và đất nông nghiệp được quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Quyết định này để đưa hệ số cụ thể vào Phương án bồi thường, hỗ trợ lấy ý kiến người dân có đất bị thu hồi.

Đối với dự án có các trường hợp thu hồi đất có đủ điều kiện bố trí tái định cư thì áp dụng hệ số điều chỉnh (K) tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định này để đưa hệ số cụ thể vào Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lấy ý kiến người dân có đất bị thu hồi.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 03 năm 2023 và thay thế Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Văn Mãi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2023/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định các tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong sử dụng công trình, nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 18615/TTr-SXD-QLCLXD ngày 30 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả thẩm định văn bản quy phạm pháp luật của Sở Tư pháp tại Văn bản số 6561/BC-STP-VB ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Công văn bổ sung số 1832/SXD-QLCLXD ngày 15 tháng 02 năm 2023 của

Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định

Quy định các tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong sử dụng công trình, nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 23 tháng 3 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, phường, xã, thị trấn, các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Xuân Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Các tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong sử dụng công trình,
nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai của hộ gia đình, cá nhân trong việc sử dụng công trình, nhà ở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng công trình, nhà ở; các cơ quan, tổ chức, các cá nhân có liên quan đến hoạt động phòng, chống thiên tai đối với công trình, nhà ở của hộ gia đình, cá nhân.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình xây dựng là sản phẩm được xây dựng theo thiết kế, tạo thành bởi sức lao động của con người, vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình, được liên kết định vị với đất, có thể bao gồm phần dưới mặt đất, phần trên mặt đất, phần dưới mặt nước và phần trên mặt nước.

2. Nhà ở là công trình xây dựng với mục đích để ở và phục vụ các nhu cầu sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân.

3. Chủ sở hữu công trình, nhà ở là cá nhân, tổ chức có quyền sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.

4. Người quản lý, sử dụng công trình là chủ sở hữu trong trường hợp chủ sở hữu trực tiếp quản lý, sử dụng công trình hoặc là người được chủ sở hữu công trình ủy quyền quản lý, sử dụng công trình trong trường hợp chủ sở hữu không trực tiếp quản lý, sử dụng công trình hoặc là người quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình, nhà ở là những công việc nhằm bảo đảm, duy trì tính ổn định của công trình, nhà ở trước, trong và sau thiên tai, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra và không làm gia tăng nguy cơ rủi ro khi có thiên tai mới.

Điều 3. Nguyên tắc sử dụng công trình, nhà ở thuộc quyền sở hữu của hộ gia đình, cá nhân bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai

1. Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong phòng, chống thiên tai được quy định tại Điều 4 Luật Phòng, chống thiên tai và các quy định hiện hành về công tác phòng, chống thiên tai.

2. Trong quá trình quản lý, sử dụng, vận hành công trình, nhà ở không làm gia tăng rủi ro thiên tai và xuất hiện rủi ro thiên tai mới.

3. Phát hiện và xử lý kịp thời, hiệu quả sự cố công trình, nhà ở và các hoạt động gia tăng rủi ro thiên tai.

4. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa thiên tai phù hợp để giảm thiểu rủi ro thiên tai.

5. Đảm bảo an toàn về người, trang thiết bị, an toàn công trình và khu vực lân cận do tác động của việc quản lý, sử dụng công trình, nhà ở.

Chương II

TIÊU CHÍ BẢO ĐẢM YÊU CẦU PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TRONG SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH, NHÀ Ở

Điều 4. Tiêu chí chung về đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai của công trình, nhà ở

1. Yêu cầu đảm bảo phòng, chống thiên tai của công trình, nhà ở khi xây dựng

mới trong các vùng ảnh hưởng thiên tai

a) Đối với vùng ảnh hưởng bão, lũ lụt, dông lốc, sạt lở đất: công trình, nhà ở phải được thiết kế chịu được lực gây ra do gió mạnh, lốc xoáy, có thể chịu được các lực nhất định do dòng chảy hoặc áp lực nước gây ra, kết cấu hệ thống sàn nhà làm bằng khung bê tông cốt thép hoặc khung thép tiền chế, có bao che kín đáo bằng xây gạch hoặc bằng vật liệu kiên cố có sẵn tại chỗ, mái bê tông, lợp ngói hoặc các loại vật liệu phù hợp với địa phương, đảm bảo an toàn hoạt động bình thường trong các tình huống thiên tai (bão, lũ lụt, dông lốc và thiên tai khác) xảy ra.

b) Đối với vùng ven biển: chịu ảnh hưởng bão, triều cường, nước biển dâng, sóng lớn phải đảm bảo yêu cầu công trình chống được ngập lụt khi mực nước triều dâng theo các kịch bản quốc gia quy định.

c) Đối với khu vực bị sạt lở bờ sông, bờ biển: cần có dải kè bờ sông, bờ biển, trồng cây xanh để tránh sạt lở đất.

d) Đối với khu vực chịu ảnh hưởng lũ, ngập lụt: công trình có cao độ tôn nền không chế tối thiểu khu vực xây dựng công trình phải cao hơn mực nước ngập lụt cao nhất (h_{\max}).

e) Đối với khu vực có nguy cơ xảy ra động đất: công trình từ cấp 2 trở lên phải thiết kế kháng chấn với cấp động đất cực đại ở địa điểm xây dựng được xác định theo bản đồ phân vùng động đất (Phụ lục 2.3 trong QCXDVN tập 3) và hiệu chỉnh theo điều kiện nền đất tại địa điểm đó.

2. Yêu cầu trong thiết kế, xây dựng công trình, nhà ở bị ảnh hưởng cao trong vùng bão

a) Cần xây kiên cố theo các tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

b) Yêu cầu chung: giải pháp ưu tiên thiết kế nhà khung, sàn, trần bằng bê tông cốt thép, mái tôn (nên có tường chắn mái); đảm bảo liên kết vì kèo với hệ kết cấu chịu lực (hệ khung, cột, tường chịu lực), xà gồ với vì kèo và vật liệu mái với xà gồ.

c) Về kiến trúc: khuyến cáo thiết kế mặt bằng nhà đơn giản, chiều dài nhà lớn không quá 3 lần chiều rộng, trong nhà nên có một gian kiên cố có thể làm nơi trú ẩn khi bão xảy ra, làm mái hiên ngắn, trần nhà để giảm tốc mái.

d) Về lựa chọn địa hình xây dựng: lợi dụng địa hình sau các gò đồi, cồn cát, sau các hàng cây để giảm tác động của gió bão cho nhà và công trình; nhà nên bố trí thành cụm, so le nhau, trồng thêm cây cản gió.

e) Các thiết bị lắp đặt trên mái, trên tường công trình, nhà ở (bồn nước, máy điều hòa nhiệt độ ...) được lắp đặt theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất, đảm bảo chắc chắn, an toàn và ổn định. Vị trí lắp đặt không quá gần mép lan can, mép mái, phía dưới không có nhiều người qua lại. Đối với hệ thống điện mặt trời mái nhà khi triển khai lắp đặt phải tuân thủ theo những quy định của pháp luật hiện hành.

f) Khuôn viên xung quanh công trình, nhà ở không trồng cây quá cao sát nhà; những cây có khả năng gây đổ ảnh hưởng đến nhà ở, công trình phải được chặt hạ, tỉa cành.

g) Dây dẫn điện bên ngoài hoặc bên trong công trình, nhà ở phải được đi ngầm trong tường hoặc có vỏ bọc chắc chắn và cách điện.

h) Các công tắc điều khiển, cầu chì, ổ cắm phải có hộp hay lưới bảo vệ hoặc có nắp đậy an toàn.

i) Phải sử dụng các loại đèn có phần vỏ ngoài bằng vật liệu cách điện tại các phòng trong ngôi nhà.

Điều 5. Tiêu chí về công tác chuẩn bị trang thiết bị, phương tiện phòng, chống thiên tai công trình, nhà ở khi có nguy cơ thiên tai

1. Các đồ dùng cần thiết như đèn pin, điện thoại, đài radio, pin, quần áo ấm, chăn, bộ sơ cứu, thuốc men, nước đóng chai và thực phẩm không bị hư hỏng.

2. Chuẩn bị sẵn lương thực, thực phẩm và nước uống sạch (đựng vào các chai có nắp đậy kín), thuốc chữa bệnh, đồ dùng thiết yếu đủ dùng cho gia đình trong thời gian từ 03 đến 07 ngày để phòng khi phải di dời tránh bão, lũ thì có thể mang theo hoặc khi bị mưa, bão, lũ, sạt lở gây chia cắt, cô lập có thể tạm sử dụng trong khi chờ ứng cứu.

3. Chủ động bảo quản, sơ tán các thiết bị, tài sản, cất giữ vào nơi khô ráo, an toàn. Kê mọi thứ trong nhà lên cao, nhất là các vật dụng có điện để nước không ngấm vào trong nếu nước lụt tràn vào nhà; lắp đặt thiết bị đóng ngắt tự động cho nguồn điện chính của công trình đảm bảo an toàn điện khi có sự cố thiên tai xảy ra.

4. Chuẩn bị thuyền, phao, bè, mảng, vật nổi, gia cố công trình, nhà ở, làm gác lửng, lối thoát trên mái nhà.

5. Bếp gas, bình gas phải được kiểm tra để tránh nguy cơ chập, cháy, rò rỉ khí gas trong và sau thiên tai (bão, lũ lụt và thiên tai khác).

Điều 6. Tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong xây dựng, vận hành và sử dụng công trình, nhà ở

1. Đối với công trình, nhà ở trong giai đoạn đầu tư xây dựng

a) Các khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở đất, động đất (khu vực lòng, ven sông, suối; khu vực có địa hình, địa chất không an toàn đã được cơ quan có thẩm quyền xác định, khuyến cáo): không được xây dựng công trình, nhà ở.

b) Các khu vực thường xuyên xảy ra ngập lụt: công trình, nhà ở phải được thiết kế xây dựng theo tiêu chí nhà kiên cố hoặc bán kiên cố, có thể chịu được các lực nhất định do dòng chảy hoặc áp lực nước gây ra. Bảo đảm sàn nhà sử dụng cao hơn mức ngập lụt cao nhất tại vị trí xây dựng (theo quan trắc hoặc theo dõi trong vòng từ 05 năm trở lên).

c) Đối với công trình, nhà ở đang thi công xây dựng: phải lập và thực hiện biện pháp cụ thể nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, công trình và các công trình lân cận (đặc biệt là đối với các công trình xây dựng có sử dụng các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trên công trình xây dựng như cần trục tháp, vận thăng, xe cầu, giàn giáo và các thiết bị làm việc trên cao trong mùa mưa bão).

d) Các khu vực thường xuyên xảy ra sét: công trình, nhà ở phải lắp đặt hệ thống chống sét theo đúng các quy định hiện hành.

2. Đối với công trình, nhà ở hiện hữu

a) Các tiêu chí áp dụng trước khi xảy ra thiên tai:

Thường xuyên kiểm tra biến dạng kết cấu chịu lực chính của công trình, nhà ở (đặc biệt đối với công trình dân dụng như nhà, kết cấu dạng nhà; công trình nhiều tầng có sàn; công trình có kết cấu nhịp lớn dạng khung) có cấp công trình là cấp I trở lên phải tổ chức quan trắc công trình trong quá trình khai thác, sử dụng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ; kiểm tra hệ thống điện và đánh giá chất lượng kết cấu, mức độ chịu lực của mái, mức độ an toàn của công trình, bộ phận công trình, nhà ở để kịp thời sửa chữa, khắc phục, có biện pháp gia cố, chằng chống, đồng thời cắt, tía cây xanh để bảo đảm an toàn khi xảy ra các loại hình thiên tai như bão, lốc, sét ... (đặc biệt là nhà ở, công trình sử dụng mái tôn, mái fibro xi măng, mái lá, trần nhựa, cửa

kính, công trình gắn pano, biển quảng cáo, bồn chứa nước trên cao).

Hệ thống tiêu thoát nước của công trình, nhà ở: định kỳ tổ chức nạo vét, xử lý tắc nghẽn, khơi thông hệ thống thoát nước xung quanh khu vực nhà ở, công trình, đảm bảo chức năng chống ngập úng khi mưa, lũ.

Có phương án sơ tán người, tài sản khi xảy ra thiên tai; chuẩn bị nhân lực, vật lực, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai theo phương án “4 tại chỗ”, hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

Công trình, nhà ở tại khu vực thường xuyên hoặc có nguy cơ xảy ra thiên tai cao phải có nơi cất giữ các vật dụng dự phòng cần thiết như lương thực, thực phẩm, thuốc men, nước uống, đèn pin, sạc dự phòng, điện thoại, radio, giấy tờ tùy thân để đề phòng thiên tai có quy mô lớn, diễn ra trong thời gian dài.

Kiểm tra việc đóng khóa cửa chính và cửa sổ, bảo đảm không bị gió giật.

Kiểm tra khung cửa sổ và kính cửa, bảo đảm không bị hư hỏng hoặc hở, không có khe hở cho gió lùa vào.

Đối với công trình nhà ở có lắp đặt tháp (trụ) viễn thông: lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác kiểm định chất lượng công trình theo chu kỳ nhằm sớm phát hiện các hư hỏng, nguy cơ gây sụp đổ ảnh hưởng đến công trình nhà ở và các công trình lân cận; để có biện pháp tổ chức sửa chữa, cải tạo, gia cố và khắc phục hư hỏng đảm bảo an toàn trước mùa mưa bão; có kế hoạch tháo dỡ hoặc di dời công trình khi kết quả kiểm định chất lượng công trình xác định công trình không đảm bảo an toàn cho quá trình sử dụng.

b) Các tiêu chí áp dụng khi có thiên tai xảy ra:

Tuyệt đối tuân thủ và thực hiện nghiêm các yêu cầu liên quan đến phòng, chống thiên tai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Không sử dụng các thiết bị có nguồn năng lượng từ gas hoặc điện; tuyệt đối tránh xa nguồn điện khi thiên tai đang diễn ra. Trong trường hợp cần thiết, chỉ được sử dụng các thiết bị điện có nguồn năng lượng từ nguồn điện sạc dự phòng hoặc pin.

Di chuyển trang thiết bị, máy móc, lương thực, hàng hóa và các vật dụng cần thiết khác tới nơi cao, an toàn.

Hạn chế ra ngoài và không để người cao tuổi, trẻ em hoặc người tàn tật đi ra bên

ngoài công trình, nhà ở hoặc nơi trú ẩn để phòng tránh các tai nạn nguy hiểm do thiên tai gây ra.

c) Các tiêu chí áp dụng sau khi thiên tai xảy ra:

Chỉ được ra khỏi nhà và di chuyển đến địa điểm khác hoặc ra khỏi nơi trú ẩn và trở về nhà sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo và xác nhận tình hình đã an toàn và cho phép di chuyển.

Kiểm tra mức độ đảm bảo an toàn, chắc chắn để tránh khả năng bị đổ sập của công trình, nhà ở.

Chỉ sử dụng lại các thiết bị điện và bếp gas sau khi đã kiểm tra và bảo đảm van ga, cầu dao điện, đường dây điện trong công trình, nhà ở đều an toàn, không bị hở, rò rỉ.

Kiểm tra mức độ an toàn, đảm bảo sử dụng của nước máy hoặc nguồn nước ăn uống dự trữ có tại công trình, nhà ở trước khi sử dụng.

Khẩn trương khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra; sửa chữa, dọn dẹp vệ sinh các khu vực xung quanh và bên trong nhà ở, công trình để tránh ô nhiễm môi trường.

Thống kê thiệt hại, báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác với chính quyền địa phương.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm thực hiện

1. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng, sở hữu công trình, nhà ở; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng công trình, nhà ở của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố

a) Tổ chức thực hiện các nội dung áp dụng theo Quy định này.

b) Nghiêm túc thực hiện theo hướng dẫn về cách phòng, chống trước, trong và sau thiên tai và biện pháp gia cố nhà ở an toàn khi có bão, lũ được đăng tải và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

c) Xây dựng công trình tuân thủ theo quy chuẩn, quy định về xây dựng nhà ở, công trình phòng, chống thiên tai theo quy định.

d) Thường xuyên cập nhật, theo dõi tình hình thời tiết, thiên tai và biện pháp hướng dẫn phòng, chống, ứng phó trên các phương tiện thông tin đại chúng (truyền hình, phát thanh, ...), trên các ứng dụng của điện thoại di động, qua tin nhắn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các trang web của Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia (địa chỉ: <http://www.nchmf.gov.vn>), Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ (địa chỉ: <http://www.kttv-nb.org.vn>) và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố (địa chỉ: <http://www.phongchonglutbaotphcm.gov.vn>) để nắm rõ Kế hoạch phòng, chống thiên tai, di dời sơ tán dân tại các khu vực có nguy cơ ngập lụt, nước biển dâng, sạt lở đất, động đất, các khu vực thoát lũ ở hạ lưu các hồ chứa, kịp thời có biện pháp phòng, chống và ứng phó hiệu quả.

e) Thường xuyên kiểm tra công trình, nhà ở đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai trong phạm vi trách nhiệm của mình. Đối với các công trình, nhà ở bán kiên cố, xuống cấp, nguy hiểm, hộ gia đình, cá nhân, người quản lý, sử dụng phải định kỳ kiểm tra, có phương án và kế hoạch sửa chữa, gia cố đảm bảo an toàn cho người sử dụng; xây dựng phương án sơ tán thành viên hộ gia đình ra khỏi công trình, nhà ở có nguy cơ sụp đổ do mưa bão đến nơi an toàn khi cần thiết.

f) Chuẩn bị sẵn sàng phương án dự phòng thiên tai, cụ thể như xác định nơi tránh, trú ẩn, phương án di chuyển thuận lợi, đảm bảo an toàn cho bản thân và các thành viên trong gia đình. Đồng thời cần đảm bảo tất cả thành viên trong gia đình được biết về phương án. Ưu tiên tránh, trú ẩn tại các khu vực lực lượng cứu hộ dễ tiếp cận, thuận lợi cho việc chi viện, cứu hộ khi cần thiết; nắm bắt thông tin về số điện thoại và địa chỉ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bạn bè, người thân ở khu vực khác để có thể liên lạc nhờ hỗ trợ khi cần trợ giúp hoặc trong trường hợp bị chia cắt do thiên tai.

g) Chủ động học tập, nghiên cứu, nắm vững các tiêu chí trong Quy định này, các biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai để đảm bảo an toàn về người và tài sản, cách thoát nạn khi có sự cố xảy ra.

h) Chủ động phổ biến các tiêu chí trong Quy định này cho thành viên trong gia đình để chủ động xử lý khi có tình huống xảy ra. Chủ động liên hệ, phối hợp với cơ quan phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của địa phương để được hướng dẫn thực hiện các tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai.

i) Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn về người và tài sản khi có thiên tai

xảy ra.

2. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn

a) Tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, đôn đốc và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này trên địa bàn.

b) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các hộ gia đình, cá nhân quản lý, vận hành và sử dụng công trình, nhà ở thực hiện nội dung đảm bảo an toàn phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng thuộc phạm vi quản lý.

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời các trường hợp không thực hiện theo quy định về an toàn công trình, nhà ở về đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức

a) Tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, đôn đốc và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này trên địa bàn.

b) Kiểm tra, rà soát các điều kiện đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai của công trình, nhà ở khi cấp phép xây dựng; kiểm tra việc chấp hành quy định về thiết kế hoặc điều chỉnh thiết kế theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn trong quá trình thi công, xây dựng công trình.

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức kiểm tra, khảo sát, thống kê, lập danh sách, phân loại đánh giá các công trình, nhà ở không đảm bảo yêu cầu về phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

d) Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các biện pháp gia cố nhà ở, công trình có phương án đảm bảo an toàn khi có thiên tai xảy ra.

e) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời các trường hợp không thực hiện theo quy định về an toàn nhà ở, công trình khi có yêu cầu và xử lý các hành vi vi phạm về đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan Thường trực phòng, chống thiên tai của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố)

a) Thường xuyên theo dõi, cập nhật các bản tin tình hình thời tiết nguy hiểm

bảo, lũ lụt và các thiên tai khác, kịp thời thông báo đến các cấp, ngành để chủ động triển khai các biện pháp phòng chống thiên tai hiệu quả.

b) Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước khác có liên quan về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai.

5. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với Viện Khoa học công nghệ xây dựng và các cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng tổ chức hội thảo, tập huấn nhằm tuyên truyền phổ biến, giáo dục và nâng cao kiến thức về các tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong sử dụng công trình, nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân cho các đơn vị, cá nhân chuyên trách, kiêm nhiệm phụ trách phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn thành phố.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức tuyên truyền, phổ biến Quy định này trên địa bàn thành phố.

6. Đài Truyền hình thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố và các cơ quan thông tấn báo chí thành phố: cung cấp thông tin, cảnh báo, dự báo tình hình diễn biến thời tiết, thiên tai một cách nhanh chóng, kịp thời, chính xác; tăng thời lượng phát sóng các chương trình tuyên truyền quy định về các tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong sử dụng công trình, nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân và các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với thiên tai để Nhân dân biết và tự chủ động phòng, tránh, ứng phó an toàn.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông đóng trên địa bàn thành phố kiểm tra các trạm tiếp sóng viễn thông, có phương án bảo đảm cho mạng thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, tiếp nhận, xử lý thông tin trong công tác phòng, chống thiên tai thông suốt trong mọi tình huống.

b) Chủ trì, phối hợp với Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố và các doanh nghiệp viễn thông tổ chức thực hiện quy định tại Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin phục vụ công tác cứu nạn - cứu hộ và nhắn tin cảnh báo thiên tai qua mạng thông tin di động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bộ Tư lệnh thành phố (Cơ quan Thường trực phòng thủ dân sự và tìm kiếm

cứu nạn của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố)

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, kiểm tra theo dõi việc triển khai thực hiện Quy định này của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các đơn vị khác có liên quan.

b) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, các đơn vị có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, bất cập, các địa phương, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan Thường trực phòng, chống thiên tai của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố) để tổng hợp, báo cáo Bộ Tư lệnh thành phố (Cơ quan Thường trực phòng thủ dân sự và tìm kiếm cứu nạn của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố) trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2023/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2013
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành
Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định 09/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy
định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành
chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Ủy
ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy
phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Ủy
ban nhân dân Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quy trình
xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành
kèm Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố tại Tờ trình số 07/TTr-STTTT ngày 02 tháng 3 năm 2023, Công văn số 233/STTTT-BC ngày 08 tháng 02 năm 2023 và ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp Thành phố tại Công văn số 4561/STP-VB ngày 23 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật

Bãi bỏ Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2023.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Anh Đức

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 393/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi,
phòng chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 83/TTr-SNN ngày 13 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm Quyết định này Danh mục 36 thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm: 21 thủ tục hành chính mới, 07 thủ tục hành chính thay thế, 03 thủ tục hành chính sửa đổi và 05 thủ tục hành chính bị bãi bỏ (trong đó, 03 thủ tục hành chính bãi bỏ do được thay thế).

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 5144/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY LỢI, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

A.1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CHI CỤC THỦY LỢI TRỰC THUỘC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
LĨNH VỰC THỦY LỢI						
1	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Chi cục Thủy lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1).	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 4638/QĐ- 	<p>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị cấp lại giấy phép đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy lợi. - Bước 2: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Chi cục Thủy lợi tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp lại giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì Chi cục Thủy lợi thông

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>BNN-TCTL ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	<p>báo bằng văn bản lý do không cấp lại giấy phép.</p> <p>2. Cơ quan giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận và thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					- Quyết định số 503/QĐ-SNN ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi cục Thủy lợi.	
2	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Chi cục Thủy lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1).	Không	<p>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</p> <p>- Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22 tháng 11</p>	<p>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau:</p> <p>- Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị cấp lại giấy phép đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy lợi.</p> <p>- Bước 2: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Chi cục Thủy lợi tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp lại giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì Chi cục Thủy lợi thông báo bằng văn bản lý do không cấp lại giấy phép.</p>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 503/QĐ-SNN 	<p>2. Cơ quan giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận và thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi cục Thủy lợi.	
3	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Chi cục Thủy lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1).	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 	<p>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy lợi. - Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thông báo cho tổ chức, cá nhân lập hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi tổ chức thẩm định

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 503/QĐ-SNN ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi cục Thủy lợi. - Quyết định 4266/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ 	<p>hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan. Nếu đủ điều kiện, Chi cục Thủy lợi trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt; Trường hợp không đủ điều kiện Chi cục Thủy lợi trả lại hồ sơ và thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết.</p> <p>2. Cơ quan giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận và thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đức và Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố trong lĩnh vực thủy lợi.	
4	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Chi cục Thủy lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1).	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và 	<p>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy lợi. - Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi xem xét, kiểm tra; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Thủy lợi thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh theo quy định. - Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi tổ chức thẩm định, tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Phát triển nông thôn.	Thành phố xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Chi cục Thủy lợi thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. 2. Cơ quan giải quyết TTHC - Cơ quan tiếp nhận thủ tục hành chính: Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
5	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo	Chi cục Thủy lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1).	Không	- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính	1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau: - Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy lợi. - Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ,

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		quy định.			<p>được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	<p>Chi cục Thủy lợi thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trường hợp đủ điều kiện, Chi cục Thủy lợi trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Chi cục Thủy lợi trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do bằng văn bản.</p> <p>2. Cơ quan giải quyết TTHC</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận thủ tục hành chính: Chi cục Thủy lợi.</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc chủ sở hữu đập, hồ chứa nước (đối với đập, hồ chứa thủy lợi lớn, vừa</p>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						trên địa bàn và đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ liên quan đến 02 huyện trở lên).
6	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Chi cục Thủy lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1).	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	<p>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy lợi. - Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Thủy lợi thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. - Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi tổ chức thẩm định hồ sơ; trường hợp đủ điều kiện, Chi cục Thủy lợi tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND Thành phố

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Chi cục Thủy lợi trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do bằng văn bản.</p> <p>2. Cơ quan giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận thủ tục hành chính: Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
7	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Chi cục Thủy lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1).	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực 	<p>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Chi cục Thủy lợi. - Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	<p>Thủy lợi thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi tổ chức thẩm định hồ sơ; trường hợp đủ điều kiện, Chi cục tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND Thành phố xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Chi cục Thủy lợi trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do bằng văn bản.</p> <p>2. Cơ quan giải quyết TTHC</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận thủ tục hành chính: Chi cục Thủy lợi.</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành</p>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						phổ.
8	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Chi cục Thủy lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1).	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	<p>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Chi cục Thủy lợi. - Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi xem xét, kiểm tra; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Thủy lợi thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh theo quy định. - Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi tổ chức thẩm định hồ sơ; trường hợp đủ điều kiện, Chi cục Thủy lợi tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND Thành phố xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt,

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>Chi cục Thủy lợi thông báo bằng văn bản và trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>2. Cơ quan giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận thủ tục hành chính: Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

A.2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
LĨNH VỰC THỦY LỢI						
1	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy	30 (ba mươi) ngày làm việc, kể	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết	<p>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp	từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			<p>một số điều của Luật Thủy lợi.</p> <p>- Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	<p>Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>- Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan chuyên môn QLNN về thủy lợi cấp huyện xem xét, kiểm tra; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan chuyên môn QLNN về thủy lợi thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh theo quy định.</p> <p>- Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn QLNN về thủy lợi tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo bằng văn bản và trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>2. Cơ quan giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi cấp huyện. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
2	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 	<p>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan chuyên môn QLNN về thủy lợi cấp huyện xem xét, kiểm tra; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan chuyên môn QLNN về thủy lợi thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh theo quy định.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	<p>- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn QLNN về thủy lợi thẩm định và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan chuyên môn QLNN về thủy lợi thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>2. Cơ quan giải quyết TTHC</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi cấp huyện.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p>
3	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày	Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố	Không	<p>- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.</p> <p>- Quyết định số 4638/QĐ-BNN-</p>	<p>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau:</p> <p>- Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện	nhận đủ hồ sơ theo quy định	Thủ Đức		<p>TCTL ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	<p>cấp huyện.</p> <p>- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan chuyên môn QLNN về thủy lợi cấp huyện xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan chuyên môn QLNN về thủy lợi cấp huyện thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn QLNN về thủy lợi cấp huyện thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trường hợp đủ điều kiện, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan chuyên môn QLNN về thủy lợi cấp huyện trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do bằng văn</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>bản.</p> <p>2. Cơ quan giải quyết TTHC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi cấp huyện. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 3594/QĐ-BNN- 	<p>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan chuyên môn QLNN về thủy lợi cấp huyện xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan chuyên môn QLNN về thủy lợi cấp huyện thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	<p>nhân để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn QLNN về thủy lợi cấp huyện thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan chuyên môn QLNN về thủy lợi cấp huyện trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do bằng văn bản.</p> <p>2. Cơ quan giải quyết TTHC</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi cấp huyện.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p>
5	Thẩm định, phê duyệt phương	20 (hai mươi)	Ủy ban nhân dân	Không	- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của	1. Điều chỉnh trình tự thực hiện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	quận, huyện, thành phố Thủ Đức		<p>Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.</p> <p>- Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	<p>như sau:</p> <p>- Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan chuyên môn QLNN về thủy lợi xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan chuyên môn QLNN về thủy lợi thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn QLNN về thủy lợi thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan chuyên môn QLNN về thủy lợi trả lại hồ sơ</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do bằng văn bản. 2. Cơ quan giải quyết TTHC - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi cấp huyện. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

A.3. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI						
1	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản kê khai	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh. - Quyết định số 3499/QĐ-	

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>BNN-PCTT ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phòng chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	
2	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân các cấp nhận được hồ sơ hợp lệ.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<p>- Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.</p> <p>- Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp</p>	<p>Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Do các hộ sản xuất thực hiện:</p> <p>+ Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh theo mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.</p> <p>+ Bản kê khai số lượng</p>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phòng chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	<p>chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có).</p> <p>+ Bảng thống kê thiệt hại do dịch bệnh có xác nhận của địa phương.</p> <p>- Do UBND cấp xã, cấp huyện thực hiện:</p> <p>+ Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP.</p>
3	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị	<p>Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Do các hộ sản xuất thực hiện:</p> <p>+ Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai theo Mẫu</p>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		các cấp nhận được hồ sơ hợp lệ.			<p>thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.</p> <p>- Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phòng chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	<p>số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.</p> <p>+ Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.</p> <p>+ Bảng thống kê thiệt hại do thiên tai có xác nhận của địa phương.</p> <p>- Do UBND cấp xã, cấp huyện thực hiện:</p> <p>+ Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP.</p>
4	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ	25 (hai mươi lăm) ngày	Ủy ban nhân dân	Không	- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của	Điều chỉnh trình tự như sau:

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể: - 10 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; - 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả kinh phí khám chữa bệnh cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định	cấp xã		Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều; - Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Bước 1: Người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp lập 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân xã. - Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã lập 01 bộ hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ kinh phí khám bệnh, chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã. - Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		trợ cấp.				<p>ngày có quyết định trợ cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện chi trả kinh phí khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho đối tượng được hưởng; việc chi trả bằng hình thức chuyển khoản hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nhận ở cấp xã.</p> <p>Đối với trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, cơ quan cấp huyện, xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn đề bổ sung, hoàn thiện.</p>
5	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy	30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật	

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.	<p>được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; - 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; - 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc. 			<p>Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	

LĨNH VỰC THỦY LỢI

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện)	Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	
2	Thẩm định, phê duyệt phương	20 (hai mươi) ngày làm	Ủy ban nhân dân	Không	- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018	

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	cấp xã		<p>của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.</p> <p>- Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<p>- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.</p> <p>- Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22 tháng 11</p>	

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	ban nhân dân cấp xã				<p>năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CHI CỤC THỦY LỢI TRỰC THUỘC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
LĨNH VỰC THỦY LỢI						
1	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm	25 (hai mươi lăm) ngày làm	Chi cục Thủy lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà	Không	- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của của Chính phủ quy định	1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau: - Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung, phường Đakao, Quận 1).		<p>chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</p> <p>- Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi</p>	<p>nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy lợi.</p> <p>- Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ: Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện thì Chi cục Thủy lợi trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép.</p> <p>2. Cơ quan giải quyết TTHC</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận và thực hiện thủ tục: Chi cục Thủy lợi.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 503/QĐ-SNN ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi cục Thủy lợi.</p>	
2	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm	15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Chi cục Thủy lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1).	Không	<p>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và</p>	<p>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau:</p> <p>- Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy lợi.</p> <p>- Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ: Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh				<p>Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 503/QĐ-SNN ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi cục Thủy lợi.</p>	<p>cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện thì Chi cục Thủy lợi trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép.</p> <p>2. Sửa đổi thành phần hồ sơ:</p> <p>- Bản vẽ thiết kế thi công bổ sung hoặc dự án đầu tư bổ sung đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép.</p> <p>3. Cơ quan giải quyết TTHC</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận và thực hiện thủ tục: Chi cục Thủy lợi.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
3	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép	15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày	Chi cục Thủy lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường	Không	- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật	<p>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau:</p> <p>- Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	của Ủy ban nhân dân tỉnh	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Đakao, Quận 1).		<p>Thủy lợi.</p> <p>- Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	<p>Thủy lợi.</p> <p>- Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ: Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện thì Chi cục Thủy lợi trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết: 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo điểm d khoản 2 Điều 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP).</p> <p>2. Cơ quan giải quyết TTHC</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận và thực hiện thủ tục: Chi cục Thủy lợi</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>Minh.</p> <p>- Quyết định số 503/QĐ-SNN ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi cục Thủy lợi.</p>	<p>lợi.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
4	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Chi cục Thủy lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1).	Không	<p>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay</p>	<p>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau:</p> <p>- Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy lợi.</p> <p>- Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ: Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép; trường hợp không</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>thể về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 503/QĐ-SNN ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi cục Thủy lợi.</p>	<p>đủ điều kiện thì Chi cục Thủy lợi trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép.</p> <p>2. Sửa đổi thành phần hồ sơ:</p> <p>- Bản vẽ thiết kế thi công bổ sung hoặc dự án đầu tư bổ sung đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép.</p> <p>2. Cơ quan giải quyết TTTC</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận và thực hiện thủ tục: Chi cục Thủy lợi.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
5	Cấp gia hạn, điều	10 (mười)	Chi cục Thủy	Không	- Nghị định số 67/2018/NĐ-	1. Điều chỉnh trình tự thực hiện

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh</p>	<p>ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p>	<p>lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1).</p>		<p>CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành</p>	<p>như sau:</p> <p>- Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy lợi.</p> <p>- Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ: Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện thì Chi cục Thủy lợi trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép.</p> <p>2. Sửa đổi thành phần hồ sơ:</p> <p>- Bản vẽ thiết kế thi công bổ sung hoặc dự án đầu tư bổ sung đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép.</p> <p>3. Cơ quan giải quyết TTHC</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 503/QĐ-SNN ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi cục Thủy lợi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận và thực hiện thủ tục: Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
6	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nỗ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân	10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Chi cục Thủy lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1).	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. 	<p>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy lợi. - Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ: Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thông báo cho tổ chức, cá nhân để

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	dân tỉnh				<p>- Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	<p>hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện thì Chi cục Thủy lợi trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép.</p> <p>2. Sửa đổi thành phần hồ sơ:</p> <p>- Bản vẽ thiết kế thi công bổ sung hoặc dự án đầu tư bổ sung đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép.</p> <p>3. Cơ quan giải quyết TTHC</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận và thực hiện thủ tục: Chi cục Thủy lợi.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>- Quyết định số 503/QĐ-SNN ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi cục Thủy lợi.</p>	
7	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh	07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Chi cục Thủy lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1).	Không	<p>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</p> <p>- Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm</p>	<p>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau:</p> <p>- Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy lợi.</p> <p>- Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ: Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ theo quy định;</p> <p>- Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện thì Chi cục Thủy lợi</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 503/QĐ-SNN ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi cục Thủy lợi.</p>	<p>trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết: 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo điểm đ khoản 2 Điều 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP).</p> <p>3. Cơ quan giải quyết TTHC</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận và thực hiện thủ tục: Chi cục Thủy lợi.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CHI CỤC THỦY LỢI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
LĨNH VỰC THỦY LỢI						
1	Cấp giấy phép	10 (mười)	Chi cục Thủy	Khôn	- Nghị định số 67/2018/NĐ-	1. Điều chỉnh trình tự thực

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1).	g	<p>CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</p> <p>- Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành</p>	<p>hiện như sau:</p> <p>- Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy lợi.</p> <p>- Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ: Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện thì Chi cục</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 503/QĐ-SNN ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi cục Thủy lợi.</p>	<p>Thủy lợi trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết: 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo điểm c khoản 2 Điều 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP).</p> <p>3. Cơ quan giải quyết TTHC</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận và thực hiện thủ tục: Chi cục Thủy lợi.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
2	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Chi cục Thủy lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận	Không	<p>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</p> <p>- Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018</p>	<p>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau:</p> <p>- Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh		1).		<p>của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 503/QĐ-SNN ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của</p>	<p>Thủy lợi.</p> <p>- Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ: Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện thì Chi cục Thủy lợi trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép.</p> <p>2. Cơ quan giải quyết TTHC</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Chi cục Thủy lợi.	- Cơ quan tiếp nhận và thực hiện thủ tục: Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Chi cục Thủy lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1).	Không	- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông	1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau: - Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy lợi. - Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ: Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ theo quy định; - Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn 15 ngày làm việc,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 503/QĐ-SNN ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi cục Thủy lợi.	kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện thì Chi cục Thủy lợi trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép. 2. Cơ quan giải quyết TTHC - Cơ quan tiếp nhận và thực hiện thủ tục: Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CHI CỤC THỦY LỢI

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
LĨNH VỰC THỦY LỢI		

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 1, 2, 6, 7, 8, 10 Điều 1 Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	<p>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</p> <p>- Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>(Được thay thế bởi thủ tục:</p> <p>+ Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>+ Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.)</p>
2	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 2, 3, 5, 6, 7, 8 Điều 1 Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	<p>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</p> <p>- Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>(Được thay thế bởi thủ tục:</p> <p>+ Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan,</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
		<p>đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>+ Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>+ Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>+ Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.)</p>
3	<p>Thủ tục cấp giấy phép cho các hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, trừ các trường hợp sau: Các loại xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe cơ giới dùng cho người tàn tật; Xe cơ giới đi trên đường giao thông công cộng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; Xe cơ giới đi qua công trình thủy lợi kết hợp đường giao thông công cộng có trọng tải, kích thước phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của công trình thủy lợi.</p>	<p>- Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</p> <p>- Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>(Bãi bỏ do được thay thế bởi thủ tục Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh).</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
4	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.	- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
5	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.	- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2023.

CHỈ THỊ
**Về tiếp tục nâng cao chất lượng công tác
xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật**

Thực hiện và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) và Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố đã có nhiều văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành nghiêm túc triển khai thực hiện. Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua, một số hồ sơ dự thảo Nghị quyết, dự thảo Quyết định do các cơ quan chủ trì soạn thảo trình Ủy ban nhân dân Thành phố vẫn chưa đảm bảo về quy trình thủ tục, thành phần hồ sơ, thời gian,... dẫn đến phải sửa đổi, bổ sung nhiều lần làm ảnh hưởng tiến độ, chất lượng trình ban hành văn bản.

Để khắc phục những bất cập, hạn chế và tăng cường hơn nữa công tác xây dựng, tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, đạt hiệu quả, chất lượng trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo như sau:

1. Về công tác xây dựng, tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành thực hiện nghiêm túc, đầy đủ theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) và Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố, trong đó, tập trung các nội dung sau:

1.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo, xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân

Thành phố theo Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì thực hiện theo trình tự, thủ tục:

a) Xây dựng Nghị quyết theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- (Bước 1) Lập hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết: cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ khoản 1, 2 Điều 6; Điều 7 Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố cho ý kiến.

- (Bước 2) Sau khi đề nghị xây dựng nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố chấp thuận bằng văn bản: Ủy ban nhân dân Thành phố phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ khoản 1, 2, 3 Điều 19; Điều 20; khoản 1, 2, 4 Điều 21; Điều 25; Điều 26 Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND để xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

b) Xây dựng Nghị quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020):

- (Bước 1) Hồ sơ lập đề nghị xây dựng nghị quyết: cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ khoản 1, 3 Điều 6, các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND để xây dựng hồ sơ lập đề nghị xây dựng Nghị quyết, gửi Sở Tư pháp thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

- (Bước 2) Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ lập đề nghị xây dựng Nghị quyết và gửi kết quả thẩm định cho cơ quan chủ trì soạn thảo.

- (Bước 3) Cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ lập đề nghị xây dựng Nghị quyết, trình Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua các chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết trước khi trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố .

- (Bước 4) Sau khi Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố chấp thuận bằng văn bản: Ủy ban nhân dân Thành phố phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan được giao chủ trì soạn thảo căn cứ khoản 1, 3 Điều 19; Điều 20; khoản 1, 2, 4 Điều 21; Điều 25; Điều 26 Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn

Thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND để tham mưu, xây dựng dự thảo Nghị quyết.

1.2. Cơ quan chủ trì soạn thảo, xây dựng Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố

Cơ quan được giao chủ trì lập đề nghị xây dựng Quyết định trình Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận, phân công cơ quan chủ trì; cơ quan được phân công chủ trì căn cứ Điều 34, Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND để tham mưu, xây dựng dự thảo Quyết định.

1.3. Một số vấn đề khác cần lưu ý

a) Về ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn

Trong trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo xác định việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật nêu trên thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì có thể thực hiện việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Trình tự, thủ tục rút gọn: cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 148, 149 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) để tham mưu, thực hiện.

b) Về xác định thời điểm áp dụng Nghị quyết đối với trường hợp xây dựng Nghị quyết theo khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020): thực hiện theo hướng dẫn của Sở Tư pháp tại Công văn số 899/STP-VB ngày 14 tháng 3 năm 2022.

Lưu ý:

- Các sở, ban, ngành nghiên cứu, tham khảo Tài liệu phổ biến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật - chuyên đề “Hoạt động xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh” theo giới thiệu của Sở Tư pháp tại Công văn số 5051/STP-VB ngày 19 tháng 10 năm 2022 để đảm bảo thực hiện đầy đủ, đúng quy định;

- Khi cơ quan được giao chủ trì soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các chính sách đặc thù của Thành phố thì cần có

đánh giá tác động với từng chính sách cụ thể, không quy định hỗ trợ đối với các ngành nghề không khuyến khích phát triển, gây ô nhiễm môi trường,

2. Về công tác theo dõi, thi hành các nghị quyết của Hội đồng nhân dân

Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành:

2.1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực phụ trách, chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết và tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc thì kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

2.2. Kịp thời cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật mới của Trung ương trong lĩnh vực mình phụ trách để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, xử lý theo quy định.

3. Về công tác tổ chức bồi dưỡng pháp luật và kiến thức nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức phụ trách công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

3.1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức hoặc phối hợp tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ liên quan đến công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cho cán bộ, công chức tại cơ quan, đơn vị phù hợp với yêu cầu công tác.

3.2. Giao Sở Tư pháp

a) Phối hợp, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị theo chức năng, giới thiệu báo cáo viên có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực xây dựng, kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật để hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị tập huấn.

b) Nghiên cứu, xây dựng tài liệu phổ biến về công tác xây dựng ban hành văn bản quy phạm.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành chỉ đạo các bộ phận tham mưu soạn thảo thực hiện nghiêm túc theo các nội dung nêu trên, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong trường hợp tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật không đúng pháp luật, không đảm bảo thời hạn, quy trình.

4.2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm theo dõi, tham mưu và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, xử lý trách nhiệm của Thủ trưởng sở, ban, ngành gắn với công tác đánh giá thi đua, xếp loại đơn vị trong trường hợp chưa thực hiện đúng các nội dung đã nêu tại Chỉ thị và đề xuất hình thức xử lý trách nhiệm (nếu có)/.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Minh Châu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 611/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tổ chức cán bộ,
Giám định y khoa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 07 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 950/TTr-SYT ngày 14 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 03 thủ tục hành chính lĩnh vực Tổ chức cán bộ, Giám định y khoa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế gồm: 02 thủ tục hành chính sửa đổi, 01 thủ tục hành chính bãi bỏ.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục mục IV.1, IV.2, VIII.8 ban hành kèm Quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Y tế, và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ, GIÁM ĐỊNH Y KHOA
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ Y TẾ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Tổ chức cán bộ						
1	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Y tế	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp ngày 10 tháng 6 năm 2020. - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp. - Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp. - Thông tư số 06/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cơ quan, tổ chức thực hiện, nội dung, thời gian đào tạo để cấp chứng chỉ đào 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>tạo nghiệp vụ giám định pháp y, pháp y tâm thần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 11/2020/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp. - Thông tư số 11/2022/TT-BYT ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm, cấp thẻ, miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần. - Quyết định số 3147/QĐ-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tổ chức cán bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 11/2022/TT-BYT ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Bộ Y tế. 	
2	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Y tế	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp ngày 10 tháng 6 năm 2020. - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phổ trực thuộc Trung ương				<p>chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp. - Thông tư số 06/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cơ quan, tổ chức thực hiện, nội dung, thời gian đào tạo để cấp chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ giám định pháp y, pháp y tâm thần. - Thông tư số 11/2020/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp. - Thông tư số 11/2022/TT-BYT ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm, cấp thẻ, miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần. - Quyết định số 3147/QĐ-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tổ chức cán bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 11/2022/TT-BYT ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Bộ Y tế.	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ Y TẾ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định về việc hủy bỏ, bãi bỏ TTHC
	Lĩnh vực Giám định y khoa	
1	Cấp Giấy chứng nhận mắc bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 913/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1456/TTr-STNMT-VP ngày 02 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục:

- Thủ tục có thứ tự I.1 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Thủ tục có thứ tự A.A1.II.1 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm Quyết định số 4108/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực đo đạc và bản đồ					
1	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: Sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Đối với gia hạn/cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. 	Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 63 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ. - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ. - Quyết định số 88/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực đo đạc và bản đồ						
1	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Ngay trong ngày làm việc hoặc theo thời gian thống nhất với bên yêu cầu cung cấp	Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố (Địa chỉ: Số 12 Phan Đăng Lưu, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh)	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ. - Thông tư số 33/2019/TT-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ. - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ. - Quyết định số 88/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài 	<p>1. Thẩm quyền giải quyết:</p> <p>Theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường là Cơ quan có thẩm quyền quyết định. Tuy nhiên, dữ liệu phục vụ cung cấp thông tin do Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố - Sở Tài nguyên và Môi trường lưu trữ. Do đó, để rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, Sở giao Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố thực hiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả hồ sơ.</p> <p>2. Trình tự thực hiện:</p> <p>a) Nộp hồ sơ:</p> <p>Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ và nhận</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>và Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ.</p>	<p>nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Quyết định số 964/QĐ-TNMT-VP ngày 20 tháng 7 năm 2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>kết quả giải quyết tại Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố.</p> <p>b) Trả kết quả: Khi nhận đủ hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định, Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố có trách nhiệm cung cấp ngay trong ngày làm việc hoặc theo thời gian thống nhất với bên yêu cầu cung cấp. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm thì Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố phải trả lời bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân lý do không cung cấp.</p>

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 972/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

**Về bãi bỏ 23 Chỉ thị do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2016**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

Theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Công văn số 4218/BTP-VĐCXDPL ngày 28 tháng 11 năm 2016 về việc trả lời một số quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 6633/TTr-STP-KTrVB ngày 27 tháng 12 năm 2022, đề nghị của Công an Thành phố tại Tờ trình số 114/TTr-CATP-PV05 ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc ban hành quyết định bãi bỏ 23 Chỉ thị quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ 23 Chỉ thị do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành

Bãi bỏ toàn bộ 23 Chỉ thị quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 như sau:

1. Chỉ thị số 08/CT-UB-KT ngày 03 tháng 4 năm 1996 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc cấm nhập khẩu, lưu hành, tàng trữ, mua bán, sử dụng loại sâu có tên khoa học *Tenebriormolitor* (L) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chỉ thị số 22/2001/CT-UB ngày 30 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Chỉ thị số 27/2005/CT-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố về đấu tranh, xử lý, ngăn chặn nạn rải đinh hoặc vật sắc - nhọn trên các tuyến đường bộ thuộc địa bàn Thành phố.

4. Chỉ thị số 14/2006/CT-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ngăn chặn nghề cào bay và các hoạt động khai thác thủy sản vi phạm Luật Thủy sản tại vùng ven biển Cần Giờ và các tuyến sông lân cận.

5. Chỉ thị số 33/2006/CT-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường công tác quản lý hoạt động xếp dỡ hàng hóa rau củ quả, trái cây các loại và thủy hải sản tại các cảng, bến thủy nội địa dọc 04 tuyến giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Chỉ thị số 15/2008/CT-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức, thực hiện Quyết định số 589/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050.

7. Chỉ thị số 18/2009/CT-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh các vi phạm trong hoạt động kinh doanh sản phẩm động vật đông lạnh nhập khẩu.

8. Chỉ thị số 11/2011/CT-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường các biện pháp bảo tồn, phát triển bền vững Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ.

9. Chỉ thị số 13/2011/CT-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phân công trách nhiệm quản lý hoạt động của các doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn Thành phố theo Quyết định số 69/2010/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

10. Chỉ thị số 25/2011/CT-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội và Luật Bảo hiểm y tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Chỉ thị số 31/2011/CT-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường công tác quy hoạch kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố.

12. Chỉ thị số 35/2011/CT-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường công tác quản lý và sử dụng hiệu quả viện trợ phi Chính phủ nước ngoài của Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Chỉ thị số 36/2011/CT-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tổ chức thực hiện việc huy động tiềm lực khoa học và công nghệ phục vụ công tác Công an trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Chỉ thị số 17/2012/CT-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về quán triệt và thực hiện Thông tri số 07-TT/TU ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Chỉ thị số 20/2013/CT-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chấn chỉnh, nâng cao chất lượng nuôi dạy trẻ ở các trường, lớp, cơ sở giáo dục mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Chỉ thị số 04/2014/CT-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường công tác kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực vệ sinh môi trường, trật tự đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

17. Chỉ thị số 08/2014/CT-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường công tác quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

18. Chỉ thị số 13/2014/CT-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp phòng, chống mại dâm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

19. Chỉ thị số 15/2014/CT-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường công tác tuyên truyền về sử dụng tổng đài cứu nạn, cứu hộ và phòng cháy chữa cháy 114.

20. Chỉ thị số 26/2014/CT-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tăng cường các giải pháp nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm

trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

21. Chỉ thị số 07/2015/CT-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị định số 06/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

22. Chỉ thị số 11/2015/CT-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật của người dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

23. Chỉ thị số 16/2015/CT-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về đẩy mạnh các giải pháp giải quyết vấn đề trường lớp mầm non ở các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Minh Châu

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng